

Số: **5190** /QĐ-NCKH-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **30** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản trị Tài sản Trí tuệ trong hoạt động khoa học công nghệ ở Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2021; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ/CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-ĐHNL-HĐT ngày 11/11/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ - ĐHNL - HĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường về việc giao Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh cho PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Quản trị Tài sản Trí tuệ trong hoạt động khoa học công nghệ ở Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc trường và cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động khoa học công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HC, NCKH.



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

QUY CHẾ
QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5190/QĐ-ĐHNL-NCKH ngày 30/12/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong việc tạo lập các tài sản trí tuệ (viết tắt TSTT) trong Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Trường ĐHNL TP. HCM hoặc gọi chung là Trường/ Nhà trường), bao gồm:

1. Nhận diện sự phát sinh các TSTT;
2. Xác định quyền sở hữu của các chủ thể;
3. Tổ chức quản lý và khai thác các TSTT;
4. Phân chia lợi ích do các TSTT mang lại, khen thưởng và xử lý vi phạm về sở hữu trí tuệ.

Sáng kiến, các quy trình nghiệp vụ nội bộ, văn bản hành chính không phải là đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Văn bản này áp dụng đối với tất cả tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Trường ĐHNL TP. HCM;
2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hợp tác nghiên cứu, triển khai đề tài, dự án với Trường, có tạo ra hoặc khai thác các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường ĐHNL TP. HCM.

Điều 3. Tài sản trí tuệ của Trường bao gồm nhưng không giới hạn ở:

1. Các đối tượng sở hữu trí tuệ (quyền tác giả, quyền liên quan, sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch); v.v...
2. Sản phẩm của các đề tài nghiên cứu khoa học, đề án, dự án đã được Nhà nước, Bộ, Tỉnh/thành phố và Trường cấp kinh phí thực hiện một phần hoặc toàn bộ và được cơ quan cấp kinh phí giao quyền sở hữu cho Trường ĐHNL TP. HCM;

3. Các Báo cáo nghiên cứu khoa học, các bản báo cáo khảo sát thực tiễn cấp Khoa, Viện, Trung tâm, Phòng ban trực thuộc Trường (gọi tắt là: Tổ chức thuộc trường) đã được nhà trường cấp kinh phí thực hiện;

4. Giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn, báo cáo đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ đã được nhà trường cấp kinh phí hoặc được cơ quan cấp kinh phí giao quyền sở hữu cho Trường ĐHNL TP. HCM;

5. Các Kỹ yếu hội nghị, hội thảo do Trường cấp kinh phí tổ chức, được phân công tổ chức hoặc phối hợp tổ chức (cấp Khoa, Viện, Trung tâm và cấp Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước và quốc tế); Các nội dung, bản ghi nhớ, phát biểu trong các buổi tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học được ghi lại bằng bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào (văn bản, chụp ảnh, ghi âm, ghi hình,...);

6. Các nội san, nguyệt san, tạp chí, bản tin (dạng giấy, điện tử); các giao diện trình bày trên các trang web của Trường ĐHNL TP. HCM;

7. Các cơ sở dữ liệu (CSDL); Bộ sưu tập thông tin, dữ liệu;

8. Lô-gô (biểu tượng) của Trường, tên trường;

9. Các sản phẩm trí tuệ khác được tạo ra từ các chương trình, dự án được cấp kinh phí của Nhà nước, Bộ, tỉnh/thành phố hoặc từ hoạt động hợp tác, liên kết giữa Trường với các tổ chức, cá nhân khác và được cơ quan cấp kinh phí giao quyền sở hữu cho Trường ĐHNL TP. HCM;

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy định, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tài sản trí tuệ: là tất cả các sản phẩm của lao động trí óc có thể được sở hữu hợp pháp thông qua hoạt động sáng tạo, đầu tư để sáng tạo, mua lại, nhận chuyển giao hoặc được biếu, tặng, trao đổi, bao gồm các đối tượng SHTT, các quyền SHTT đã xác lập và các TSTT khác.

2. Đối tượng quyền SHTT: là các đối tượng được quy định tại Điều 3 của Luật SHTT, bao gồm:

- Luận văn, luận án, sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo, quy trình khoa học công nghệ - chuyển giao, các sản phẩm trí tuệ tương tự;
- Các bản ghi âm, bản ghi hình, chương trình phát sóng;
- Các sáng chế, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại (thương hiệu) và chỉ dẫn địa lý;
- Vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

3. Quyền SHTT: là tất cả những quyền đã được xác lập theo quy định của pháp luật SHTT, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

4. Các TSTT khác: bao gồm nhưng không giới hạn ở: các sáng kiến đổi mới, thông tin, dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ, ... không phải là các đối tượng SHTT.

5. Thông tin mật của Nhà trường: là các bí mật kinh doanh hoặc các thông tin không tiết lộ được xác định theo Quy định Bảo mật của Nhà trường.

6. Chủ sở hữu TSTT: bao gồm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc người có quyền đứng tên đăng ký xác lập quyền SHTT theo quy định của pháp luật SHTT.

7. Cộng tác viên: là các cá nhân hợp tác với Trường theo vụ việc hoặc hợp đồng nhưng không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại Trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở: giảng viên thỉnh giảng, cán bộ danh dự, nhân viên phụ tá... đến giảng dạy, làm việc, khảo sát... tại Trường.

8. Chủ thể: là viên chức, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên sau đại học (gọi chung là cá nhân thuộc Trường), phòng ban, khoa, bộ môn, trung tâm, Viện của Trường (gọi chung là tổ chức thuộc Trường).

9. Hoạt động công vụ: là bất kỳ hoạt động nào do cán bộ, viên chức hoặc nhân viên hợp đồng (dài hạn, ngắn hạn, khoán) thực hiện theo nhiệm vụ được giao hoặc thực hiện chủ yếu bằng nguồn lực của Trường.

10. Nhiệm vụ được giao: là nhiệm vụ được xác định theo:

- Chức danh của các cá nhân thuộc Trường, theo các quy định liên quan về tổ chức bộ máy và tổ chức đào tạo của Trường; hoặc

- Quyết định thành lập hay Quy chế/ Điều lệ hoạt động của các Tổ chức thuộc Trường; hoặc

- Các giao kết trong hợp đồng liên quan với cộng tác viên.

11. Nguồn lực của Trường: được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở: thời gian làm việc tại Trường, nguồn lực tài chính của Trường hay nguồn tài chính đầu tư thông qua Trường, các cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của Trường, nguồn lực thông tin, tư liệu, dữ liệu, v.v... của Trường.

CHƯƠNG II

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 5. Trường là chủ sở hữu đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi các cá nhân thuộc Trường, tổ chức thuộc Trường hoặc các cộng tác viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề án, dự án do Trường cấp kinh phí trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thoả thuận khác;

2. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng do Trường đặt hàng cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc hoặc không thuộc Trường trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề án, dự án..., trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác;

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng giao kết giữa Trường với một hoặc một số đối tác khác, trong đó, có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường;

4. Được các chủ thể khác chuyển nhượng hoặc biếu, tặng, giao cho Trường.

Điều 6. Trường là đồng chủ sở hữu (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, thực hiện hiện các đề án, dự án... giữa Trường với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác;

2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ; trong đó, Trường là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác;

Việc xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Điều 6 này sẽ do các bên có liên quan thoả thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về các nguồn lực, trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của phụ trách các bộ phận quản trị SHTT

1. Tổ chức quán triệt Quy định Quản trị TSTT cùng các văn bản, quy định có liên quan;

2. Tổ chức ghi nhận và khai báo các loại TSTT phát sinh trong phạm vi quản lý;

3. Yêu cầu các Cá nhân thuộc Trường và cộng tác viên thuộc phạm vi quản lý của đơn vị thực hiện các thủ tục, biểu mẫu SHTT và các công việc có liên quan theo hướng dẫn của quản trị viên Bộ phận Quản trị TSTT.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền lợi của các cá nhân thuộc Trường

1. Không sử dụng các quyền SHTT của các chủ thể khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề án, dự án của Trường nếu chưa được đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu. Trong trường hợp vi phạm, cán bộ, viên chức, giảng viên, nhà nghiên cứu liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Trường;

2. Khi vừa tạo ra TSTT mới: tiến hành khai báo theo mẫu quy định (01 bản giấy và 01 bản điện tử) cho Bộ phận Quản trị TSTT, chậm nhất trong vòng 01 tháng sau khi TSTT được hình thành;

3. Thực hiện mẫu chuyển giao quyền công bố đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường hoặc của các chủ thể khác;

4. Không được tự ý chuyển nhượng TSTT của Trường khi chưa được sự đồng ý cho phép bằng văn bản của Trường;

5. Được hưởng các quyền lợi vật chất theo hợp đồng đã giao kết, hoặc theo mức quy định của Trường trong từng giai đoạn cụ thể.

Điều 9. Quy định liên quan đến các đối tác của Trường

1. Khi bắt đầu xúc tiến hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề án, dự án với bất kỳ đối tác nào có khả năng phát sinh các TSTT, các cá nhân thuộc Trường, Tổ chức thuộc Trường tham gia vào hoạt động đó phải trao đổi đầy đủ với đối tác liên quan về các vấn đề:

- Quyền sở hữu, quyền khai thác đối với các TSTT có thể phát sinh;
- Nguyên tắc bảo vệ các Thông tin không tiết lộ và các Bí mật kinh doanh của các bên;
- Các vấn đề khác liên quan đến SHTT theo các quy định của Nhà trường.

2. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề án, dự án sẽ không được ký kết nếu chưa đạt được các thỏa thuận cụ thể bằng văn bản về việc xử lý các vấn đề liên quan đến TSTT.

Điều 10. Sử dụng tên thương mại, lô-gô và nhãn hiệu

1. Việc thể hiện hoặc sử dụng Tên thương mại, Thương hiệu và Lô-gô của Trường trên tất cả các sản phẩm, ấn phẩm truyền thông và giấy tờ giao dịch của các Tổ chức thuộc Trường phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn tương ứng của Trường.

2. Trường có thể đồng ý cho các đối tác sử dụng hoặc công bố Tên Thương mại, Thương hiệu, Lô-gô và (các) nhãn hiệu của Trường trong các sản phẩm, tài liệu truyền thông của họ, với điều kiện phải thông báo trước về mục đích sử dụng và nhận được sự chấp nhận của Trường bằng văn bản hoặc thỏa thuận trong hợp đồng có liên quan.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Cá nhân vi phạm Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường, tùy theo tính chất và mức độ có thể bị xử lý kỷ luật hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của Trường.

CHƯƠNG V

KHAI THÁC CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 12. Các hình thức khai thác TSTT

Trường sẽ phối hợp cùng các Tổ chức thuộc Trường và các tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu tìm biện pháp tốt nhất để khai thác, sử dụng có hiệu quả các TSTT. Việc khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

1. Công bố TSTT;
2. Chuyển nhượng (bán) toàn bộ hoặc một phần TSTT cho chủ thể khác;
3. Ứng dụng TSTT vào quy trình tác nghiệp, sản xuất, kinh doanh;
4. Góp vốn hoặc liên doanh, liên kết bằng TSTT;
5. Giao kết hợp đồng li-xăng (hợp đồng cấp quyền sử dụng TSTT) hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ...

Điều 13. Công bố các TSTT

1. Tác giả cần tuân thủ Chương II - Quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ của Quy chế này khi quyết định có công bố hay không và thời điểm công bố.
2. Trường được quyền công bố và phổ biến rộng rãi mọi TSTT, đặc biệt là các tác phẩm và các đối tượng liên quan thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường.

Điều 14. Phân bổ thu nhập, lợi nhuận và chi trả thù lao từ việc khai thác các TSTT

1. Thu nhập và lợi nhuận phát sinh từ các TSTT đồng sở hữu được phân chia trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng chủ sở hữu, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
2. Tùy theo loại TSTT khi được triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa, thù lao cho các tác giả, đồng tác giả được ấn định theo Bộ Quy định quản lý SHTT của trường, trừ khi giữa Trường và tác giả, đồng tác giả liên quan có thỏa thuận khác:
 - Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học, báo cáo nghiên cứu khoa học, báo cáo khảo sát thực tiễn, kỹ yếu hội nghị, hội thảo,...: tiền thù lao được chi trả theo các quy định trong Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN, Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT, Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở của Trường ĐHNL TP. HCM.
 - Sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sử dụng kinh phí Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán/chuyển nhượng: tiền thù lao sẽ được chi trả theo quy định Bộ Quy định quản lý SHTT và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNL TP. HCM.
 - Các sản phẩm trí tuệ như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, quyền tác giả, Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu khi được chuyển nhượng, thù lao

sẽ được chi trả theo Bộ Quy định quản lý SHTT và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHNL TP. HCM.

Các trường hợp không thuộc các trường hợp đề cập trong Điều 14: Trường và các tác giả, đồng tác giả sẽ thỏa thuận cụ thể trong các Hợp đồng/Thỏa thuận tương ứng.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 16: Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn quản trị tài sản trí tuệ trong Trường hoặc theo sự sửa đổi và bổ sung của pháp luật SHTT.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Ban giám hiệu (để b/c)
- Lưu: P. HC, P. QLCKH.



PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng